TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2025/HNGĐ-ST
Ngày 03 – 9 – 2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thanh Liêm
Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp

- Thư ký phiên toà: Bà Tô Huyền Trang – *Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

Ngày 03 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 356/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Lê Thị Th, sinh năm: 21/8/1991. Số CCCD 096191012551, cấp ngày 10/5/2023. Địa chỉ: Nhà không số, ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Nay là Nhà không số, ấp L, xã T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

**** Bị đơn:*** Ông Võ Huy T. Sinh năm: 1991. Số CMND 385569181. Địa chỉ: Nhà không số, đường L, Khóm 7, Phường 6, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Nay là Phường T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/6/2025, bản tự khai và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Th trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Võ Huy T chung sống từ năm 2009 đến ngày 10/8/2017 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, do ông T thiếu quan tâm vợ con, bà và ông T đã ly thân, không còn chung sống vợ chồng từ năm 2019. Bà Lê Thị Th yêu cầu ly hôn với ông Võ Huy T.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Võ Tường L, sinh ngày 11/6/2012 và Võ Huy L, sinh ngày 18/10/2010, hiện đang sống cùng bà Th. Khi ly

hôn bà Th yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả hai người con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập ông Võ Huy T và thông báo thụ lý về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Th. Ông Võ Huy T không đến Tòa án theo triệu tập cũng không gửi văn bản ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà Th

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà Lê Thị Th và ông Võ Huy T kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/8/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau(nay là UBND xã Hưng Mỹ, tỉnh Cà Mau). Bà Th yêu cầu ly hôn với ông T. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Đối với ông Võ Huy T, Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng để triệu tập ông T đến Tòa án để tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai và triệu tập ông T để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng ông T đều vắng mặt không rõ lý do. Nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại các Điều 207, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Th xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, ông T không tập trung phát triển kinh tế gia đình, không quan tâm bà nên xảy ra cãi vã mâu thuẫn. Dù ông T đã được Tòa án thông báo yêu cầu khởi kiện của bà Th và triệu tập tham gia tố tụng vụ án nhưng đều vắng mặt và không có bất cứ ý kiến nào gửi đến Tòa án, không yêu cầu hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Xét thấy, bà Th và ông T đã không còn chung sống từ năm 2019 nay bà Th kiên quyết yêu cầu ly hôn, ông T không yêu cầu hàn gắn, thể hiện hôn nhân của ông bà đã có mâu thuẫn, không có thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ chấp nhận cho bà Th ly hôn với ông T.

[4] Về con chung: Có 02 người con chung tên Võ Tường L, sinh ngày 11/6/2012 và Võ Huy L, sinh ngày 18/10/2010, hiện đang sống cùng bà Th. Khi ly hôn bà Th yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả hai người con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T không có ý kiến về yêu cầu này, yêu cầu này phù hợp với nguyện vọng của con chung. Để đảm bảo ổn định cho con chung cần tiếp tục giao con chung cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, bà Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th xác định không có tài sản chung và không có nợ chung. Ông T không có ý kiến phản đối. Đến nay không có cá nhân tổ chức nào yêu cầu trách nhiệm trả nợ của bà Th và ông T. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nợ chung và tài sản chung.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình bà Th phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 207, 227, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí.

Về hôn nhân: Bà Lê Thị Th được ly hôn với ông Võ Huy T.

Về con chung: Tiếp tục giao con chung Võ Tường L, sinh ngày 11/6/2012 và Võ Huy L, sinh ngày 18/10/2010 cho bà Lê Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Ông Võ Huy T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về Tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)*, bà Lê Thị Th phải nộp. Ngày 19/6/2025 bà Lê Thị Th đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau nay là Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 1- Cà Mau theo lai thu số 0011059 được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Phan Thị Thu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND KV1-Cà Mau;
- UBND xã Hưng Mỹ, tỉnh Cà Mau
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.